TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2020/DS-PT
Ngày 20 tháng 8 năm 2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Đòi tài sản quyền sử dụng đất; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Đòi tài sản quyền sử dụng đất; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 03/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1288/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Trương Công Kh, sinh năm 1978 (có mặt);

1.2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp Mỹ An, xã Mỹ Phú, huyện Ch, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Bà Nguyễn Thị Hoài Y, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện Ch, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 18/8/2020) (có mặt);

2. Bị đơn:

2.1. Ông Dương Thành Ph, sinh năm 1952 (có mặt);

2.2. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Tổ 12, ấp Trung 2, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ph, bà R: Bà Nguyễn Thị Bạch X, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 35D, khóm Đông An 5, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 28/10/2016) (có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh Nh – Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh L – Chức vụ: Phó chủ tịch (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, thị trấn C, huyện Ch, tỉnh An Giang.

3.2. Ông Dương Văn T, sinh năm 1931 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1931 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T, bà K:

3.2.1. Bà Dương Thị H, sinh năm 1960 (có mặt);

Cư trú: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

3.2.2. Bà Dương Thị S, sinh năm 1954 (có mặt);

Cư trú: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

3.2.3. Ông Dương Văn K1, sinh năm 1964 (có mặt);

Cư trú: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

3.2.4. Ông Dương Văn H1, sinh năm 1967 (có mặt);

Cư trú: Tổ 2, ấp A, xã O, huyện Ch, tỉnh An Giang.

3.3. Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, ông B1: Ông Dương Văn K1, sinh năm 1964; Cư trú: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 05/9/2019) (có mặt);

4. Người kháng cáo: Bị đơn Dương Thành Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đồng nguyên đơn - ông Trương Công Kh và bà Nguyễn Thị B cùng trình bày:

Năm 2005 ông Dương Thành Ph và vợ là bà Nguyễn Thị R có sang nhượng cho ông Trương Công Kh và bà Nguyễn Thị B diện tích đất sản xuất nông nghiệp 9.828m^2 tọa lạc tại ấp A, xã O, huyện Ch, tỉnh An Giang, giá trị mỗi công tầm cắt là 22 chỉ vàng và đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử

dụng đất sang tên cho ông Kh và bà B. ông Kh và bà B cũng đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Ch cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H00224MF, ngày 01/8/2005 với diện tích đất là 9.828m^2, thuộc thửa 232,233 tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp A, xã O, huyện Ch, tỉnh An Giang. ông Kh, bà B đang giữ giấy chứng nhận bản chính nhưng ông Ph và bà R vẫn chưa giao đất cho ông bà canh tác dù ông bà đã nhiều lần yêu cầu vì hiện các con ông T và bà K đang quản lý canh tác.

Nay ông bà yêu cầu ông Ph, bà R phải thực hiện nghĩa vụ giao đất cho ông bà sử dụng đúng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã giao kết hoặc trả lại 154 chỉ vàng 24kr (9999) và không phải bồi thường thiệt hại thực tế.

Đồng bị đơn - ông Dương Thành Ph và bà Nguyễn Thị R và bà Nguyễn Thị Bạch X đại diện ủy quyền trình bày ý kiến:

Ông bà đồng ý giao trả lại diện tích đất đã chuyển nhượng cho nguyên đơn. Đồng thời, có yêu cầu phản tố yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị K trả lại diện tích đất 9.828m^2 ông bà nhận chuyển nhượng của ông Dương Văn T năm 2001 để ông bà giao diện tích đất này cho nguyên đơn sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị K có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng do ông Dương Văn K1 đại diện ủy quyền trình bày:

Ông bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn. Ông bà xác định ông T không có chuyển nhượng đất cho ông Ph và bà R, ông Ph hỏi mượn giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do ông T đứng tên bản chính và tự ý chuyển quyền sang tên ông Ph. ông T, bà K và các con của ông bà không biết nên có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ph và của ông Kh, bà B vì cấp sai đối tượng. Diện tích đất 9.828m^2 ông B1 và bà S đang quản lý canh tác từ năm 2001 đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh An Giang trình bày ý kiến:

Ủy ban xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ph và cấp cho ông Kh, bà B là đúng quy định pháp luật. Ủy ban không có yêu cầu độc lập và xin vắng mặt không tham gia tố tụng vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 03/01/2020, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

Áp dụng Điều 26, khoản 4 Điều 32, khoản 4 Điều 34 và các Điều 37, 38, 147, 220, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 138, 166, 500 Bộ luật Dân sự năm năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn Ông Trương Công Kh và bà Nguyễn Thị B. Buộc ông Dương Thành Ph và bà Nguyễn Thị R liên đới trách nhiệm hoàn trả 154 chỉ vàng (Một trăm năm mươi tư chỉ vàng) 24kr (9999) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của đồng bị đơn ông Dương Thành Ph và bà Nguyễn Thị R.

2.1. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Văn T với ông Dương Thành Ph xác lập ngày 27/11/2001 vô hiệu.

2.2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Thành Ph và bà Nguyễn Thị R với ông Trương Công Kh và bà Nguyễn Thị B xác lập ngày 16/5/2006 vô hiệu.

2.3. Không chấp nhận việc đòi lại diện tích đất nông nghiệp 9.828m^2 tại xã O, huyện Ch, tỉnh An Giang của ông Dương Văn T, có ông Nguyễn Văn B1 và bà Dương Thị S là con đang quản lý canh tác.

3. Chấp nhận yêu cầu của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị K là bà Dương Thị H, bà Dương Thị S, ông Dương Văn K1, ông Dương Văn H1 do ông Dương Văn K1 đại diện ủy quyền.

3.1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/01/2002 cấp cho ông Dương Thành Ph số 03379/mF diện tích 9.828m^2 đất nông nghiệp tại xã O, huyện Ch, tỉnh An Giang.

3.2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/8/2005 cấp cho ông Trương Công Kh và bà Nguyễn Thị B số H00224mF diện tích 9.828m^2 đất nông nghiệp tại xã O, huyện Ch, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; về chi phí đo đạc, định giá; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2020, bị đơn ông Dương Thành Ph có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo yêu cầu phản tố của ông Ph.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trương Công Kh trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Dương Thành Ph trình bày: ông T là người ký vào hợp đồng chuyển nhương đất và có văn bản thừa nhận có nhận vàng 75 chỉ. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, buộc những người thừa kế của ông T (ông T nay đã mất) giao trả diện tích 9.828m^2 đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông được cấp, nếu không giao đất thì yêu cầu trả lại 75 chỉ vàng theo tờ thỏa thuận mà ông T đã nhận vàng của ông Dương Thành Ph và bà Nguyễn Thị B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và quyết định theo bản án sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí của bị đơn ông Dương Thành Ph đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự này đã ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng hoặc có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hoặc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Vợ chồng ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị K có khu đất đất nông nghiệp 9.828m^2 tại xã O, huyện Ch, tỉnh An Giang, đã được Uỷ ban nhân dân huyện Ch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03379/mF ngày 20/4/1994.

Ông Dương Thành Ph kháng cáo cho rằng vào ngày 27/11/2001 ông T có lập Hợp đồng chuyển nhượng diện tích 9.828m^2 đất này với giá 75 chỉ vàng 24kr cho ông Ph để cấn trừ nợ cho con gái ông T là bà H. Hợp đồng được UBND xã O chứng thực ngày 30/11/2001 và hoàn tất thủ tục sang tên ngày 14/01/2002. Năm 2005 ông Ph và vợ là bà R tiếp tục xác lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho ông Trương Công Kh và bà Nguyễn Thị B, giá chuyển nhượng 154 chỉ vàng 24kr. Ngày 01/8/2005 ông Kh và bà B được UBND huyện Ch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00224/mF. ông Kh và bà B đã giao đủ vàng cho ông Ph nhưng ông Ph không giao đất cho ông Kh vì thực tế đất chuyển nhượng trước đây do vợ chồng ông T sử dụng, hiện này do các con của ông T là ông B1 và bà S quản lý, sử dụng.

Ông Trương Công Kh, bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu ông Ph và bà R thực hiện việc giao khu đất đã chuyển nhượng nêu trên hoặc trả lại số vàng đã nhận, không yêu cầu bồi thường thiệt hại. ông Ph và bà R đồng ý giao trả lại đất theo yêu cầu của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố yêu cầu các con của ông T và bà K giao trả lại đất cho ông Ph và bà R để ông Ph và bà R giao đất cho ông Kh, bà B.

Trước đây ông T có đơn phản tố yêu cầu ông Ph, bà R trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông T và bà K chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T, bà K vẫn không đồng ý trả đất và có yêu

cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ph và ông Kh, bà B đối với khu đất tranh chấp.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Ph về việc giao khu đất 9.828m^2 tranh chấp: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng khu đất 9.828m^2 giữa ông T với ông Ph, bà R tuy đã được UBND xã O chứng thực ngày 30/11/2001, nhưng ông T không thừa nhận có ký vào hợp đồng chuyển nhượng này, ông T và bà K không thừa nhận có chuyển nhượng đất cho ông Ph và có nhận 75 chỉ vàng của ông Ph, bà R. Tại các lời khai của ông T thì ông T cho rằng ông T cho ông Ph, bà R mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, nhưng ông Ph đã tự ý làm thủ tục chuyển nhượng sang qua tên ông Ph. Thực tế, ông Ph và bà R chưa nhận đất. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm, khi ông T còn sống các đương sự không yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký tên của ông T trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Ph xác định khi lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xong thì ông Ph đưa cho con gái của ông Ph đem qua cho ông T ký vào hợp đồng và ông Ph, bà R không trực tiếp nhìn thấy ông T ký, sau đó ông Ph tự đem hợp đồng này đến Uỷ ban nhân dân xã chứng thực mà không có mặt ông T. Như vậy, không đủ có sở để xác định ông T có ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng khu đất 9.828m^2 nêu trên.

Ngoài ra, khu đất tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà K. Giả sử ông T có chuyển nhượng thì cũng không hợp pháp, vì chưa có ý kiến đồng ý của vợ ông T là bà K

Từ việc sai phạm về nội dung và hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 27/11/2001 đối với khu đất 9.828m^2 nêu trên giữa ông T và ông Ph nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này bị vô hiệu. Do đó, yêu cầu của ông Ph và bà R về việc giao khu đất 9.828m^2 tranh chấp không được chấp nhận.

[2.3] Do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông Ph xác lập ngày 27/11/2001 bị vô hiệu nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ph, bà R với ông Kh, bà B xác lập ngày 16/5/2006 cũng bị vô hiệu, nên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ph và ông Kh, bà B được xác định là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ph và ông Kh, bà B đối với khu đất tranh chấp. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, những người thừa kế của ông T, bà K được yêu cầu cơ quan thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục chung.

[2.4] Xét yêu cầu của ông Ph và bà R về việc nếu các đồng thừa kế của ông T bà K không giao đất thì phải trả 75 chỉ vàng 24K: Tại phiên toà phúc thẩm, ông Dương Thành Ph và bà Nguyễn Thị Bạch X (đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị R) xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T với ông Ph, bà R là không đúng quy định pháp luật nên chỉ còn yêu cầu các con của ông T, bà K trả lại cho ông Ph, bà R 75 chỉ vàng 24kr (9999), ngoài ra không có yêu cầu nào khác. Tuy nhiên ông Ph lại xác định vẫn giữ nguyên

kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm như trước đây. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Ph và bà R không cung cấp được chứng cứ có căn cứ pháp lý xác định ông T đã nhận đủ 75 chỉ vàng 24kr nên không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ph và bà X còn cho rằng bà H là người nợ của ông Ph, bà R 75 chỉ vàng và việc chuyển nhượng đất là cấn trừ nợ cho bà H. Tuy nhiên ông Ph, bà X lại xác định không có chứng cứ chứng minh ông T đã chấp nhận bằng văn bản việc chuyển nhượng mảnh đất 9.828m^2 để cấn trừ số vàng 75 chỉ này. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Dương Thành Ph, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Các Điều 138, 166, 500 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật Đất đai 2003 và Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Thành Ph; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 03/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đối với phần bản án bị kháng cáo.

1.1. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Văn T với ông Dương Thành Ph xác lập ngày 27/11/2001 vô hiệu.

1.2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Thành Ph và bà Nguyễn Thị R với ông Trương Công Kh và bà Nguyễn Thị B xác lập ngày 16/5/2006 vô hiệu.

1.3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03379/mF ngày 14/01/2002 do UBND huyện Ch cấp cho ông Dương Thành Ph diện tích 9.828m^2 đất nông nghiệp tại xã O, huyện Ch, tỉnh An Giang.

1.4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00224/mF ngày 01/8/2005 do UBND huyện Ch cấp cho ông Trương Công Kh và bà Nguyễn Thị B diện tích 9.828m^2 đất nông nghiệp tại xã O, huyện Ch, tỉnh An Giang.

1.5. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, những người thừa kế của ông T, bà K được yêu cầu cơ quan thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Thành Ph phải nộp 300.000 đồng và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009741 ngày 22/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huynh